BÀI 20. VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

*(Thời gian thực hiện dự kiến: 03 tiết)*

I. MỤC TIÊU.

1. Kiến thức.

* Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.
* Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.
* Phân tích được đặc điểm dân cư; một số vấn đề xã hội của vùng.
* Trình bày được sự phát triển và phân bố một số ngành kinh tế thế mạnh của vùng.
* Trình bày được về Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

2. Năng lực.

* Năng lực chung:

+ Giao tiếp và hợp tác: trao đổi, thảo luận nội dung bài học rõ ràng, logic.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: phân tích được tình huống trong học tập, phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập.

* Năng lực đặc thù:

+ Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian; giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

+ Tìm hiểu địa lí thông qua việc tìm kiếm thông tin từ các công cụ địa lí, internet,... để tìm hiểu về vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

3. Phẩm chất.

Yêu quý, có trách nhiệm trong bảo vệ môi trường thiên nhiên vùng Đồng bẳng sông Cửu Long.

1. II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Giáo viên.

* Máy vi tính, máy chiếu hoặc smart tivi, thiết bị điện tử kết nối internet (nếu có),...
* Bản đồ tự nhiên vùng Đồng bằng sông Cửu Long, bản đồ kinh tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long.
* Các thiết bị và học liệu khác có liên quan đến nội dung bài học (tranh ảnh, video, bảng số liệu,...).
* Phiếu học tập.
* SGK Lịch sử và Địa lí 9 (KNTT với CS).

2. Học sinh.

SGK Lịch sử và Địa lí 9 (KNTT với CS).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu.

1. *Mục tiêu*

Tạo hứng thú, muốn tìm hiểu về vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

1. *Tổ chức thực hiện*
* Bước 1: GV mở đầu bài học như gợi ý trong SGK.
* Bước 2: Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ ở tình huống mở đầu.
* Bước 3: GV gọi một số HS trả lời.
* Bước 4: Sau khi HS trả lời tìm huống mở đầu, GV dẫn dắt HS tìm hiểu nội dung bài học mới.

2. Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới.

***2.1. Nội dung 1: Tìm hiểu vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ.***

1. *Mục tiêu.*

Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.

1. *Tổ chức thực hiện.*
* Bước 1: GV yêu cầu HS dựa vào thông tin mục 1, hình 20.1 hoặc bản đồ treo tường vùng Đồng bằng sông Cửu Long, hãy:

*+ Nêu các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.*

*+ Trình bày đặc điểm, ý nghĩa vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.*

* Các cặp trao đổi, trả lời các câu hỏi trên.
* Đại diện một số cặp báo cáo kết quả.
* Bước 4: GV đánh giá và chuẩn hoá kiến thức.
* Đồng bằng sông Cửu Long bao gồm các tỉnh, thành phố: Cần Thơ, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau.
* Đồng bằng sông Cửu Long nằm ở phía tây nam của Tổ quốc, liền kề vùng Đông Nam Bộ, giáp với Cam-pu-chia; phía tây và phía đông nam có một vùng biển rộng.
* Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ tạo điều kiện thuận lợi để vùng Đồng bằng sông Cửu Long phát triển kinh tế trên đất liền cũng như trên biển, mở rộng mối quan hệ hợp tác với các nước trong lưu vực sông Mê Công.

***2.2. Nội dung 2: Tìm hiểu điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.***

*a) Mục tiêu.*

Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.

*b) Tổ chức thực hiện.*

*-* Bước 1: GV yêu cầu HS dựa vào hình 20.1 và thông tin mục 2, hãy phân tích các thế mạnh, hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đối với phát triển kinh tế - xã hội của vùng Đồng bằng sông Cửu Long bằng cách hoàn thành phiếu học tập sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Yếu tố tự nhiên** | **Đặc điểm** | **Thế mạnh** | **Hạn chế** |
| Địa hình và đất |  |  |  |
| Khí hậu |  |  |
| Nguồn nước |  |  |
| Sinh vật |  |  |
| Biển |  |  |

* Bước 2: HS sinh suy nghĩ, trao đổi thảo luận để trả lời câu hỏi.
* Bước 3: Đại diện cặp hoặc nhóm báo cáo kết quả, các cặp hay nhóm khác nhận xét và bổ sung.
* Bước 4: GV đánh giá và chuẩn hoá kiến thức.
1. Thế mạnh
* Địa hình và đất:

+ Địa hình thấp và bằng phẳng, thuận lợi cho cư trú và sản xuất.

+ Đất chủ yếu là nhóm đất phù sa với 3 loại chính: Đất phù sa sông phân bố thành một dải dọc sông Tiền và sông Hậu, đây là loại đất tốt, độ phì cao, thích hợp cho sản xuất nông nghiệp. Đất phèn tập trung ở Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên, vùng trũng bán đảo Cà Mau; đất mặn phân bố ở ven biển. Đất phèn và đất mặn có thể trồng lúa, cây ăn quả,...

* Khí hậu: cận xích đạo, nền nhiệt cao và ổn định, lượng mưa dồi dào, thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp.
* Nguồn nước: Mạng lưới sông ngòi, kênh rạch dày đặc, tạo thuận lợi cho giao thông đường thuỷ, sản xuất và sinh hoạt; là nơi đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản.
* Tài nguyên sinh vật phong phú và đa dạng. Thảm thực vật điển hình là rừng ngập mặn rừng tràm; trong vùng có nhiều thuỷ sản, các loài chim,...
* Tài nguyên biển phong phú: nhiều cá tôm, bãi tắm đẹp; vùng thềm lục địa có tiềm năng về khai thác dầu mỏ và khí tự nhiên; ven biển có tiềm năng xây dựng cảng biển và phát triển điện gió,...
1. Hạn chế
* Đất nhiễm phèn và nhiễm mặn có diện tích lớn.
* Mùa khô kéo dài.
* Chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu.
* Trên đất liền nghèo khoáng sản.

***2.3. Nội dung 3: Tìm hiểu dân cư, xã hội.***

1. *Mục tiêu.*

Phân tích được đặc điểm dân cư; một số vấn đề xã hội của vùng.

1. *Tổ chức thực hiện.*
* Bước 1: GV yêu cầu HS dựa vào thông tin mục 3, hãy phân tích đặc điểm dân cư và một số vấn đề xã hội ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long. GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm. GV chia nhóm ngẫu nhiên theo danh sách lớp. Mỗi nhóm 4 - 5 HS.
* Bước 2: Các nhóm trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.
* Bước 3: GV gọi đại diện một vài nhóm HS báo cáo kết quả.
* Bước 4: Sau khi nhóm báo cáo kết quả, GV chuẩn hoá kiến thức.
* Đặc điểm dân cư:

+ Có quy mô dân số lớn nhưng gia tăng rất thấp (thấp nhất cả nước), xuất cư có xu hướng tăng, chủ yếu đến vùng Đông Nam Bộ.

+ Cơ cấu dân số trẻ, lực lượng lao động dồi dào, là thế mạnh để vùng phát triển kinh tế.

+ Trên địa bàn, có nhiều thành phần dân tộc cùng chung sống.

+ Mật độ dân số của vùng khá cao nhưng phân bố không đều, phần lớn tập trung ở ven sông Tiền và sông Hậu, nơi có điều kiện tự nhiên thuận lợi, trong khi đó một số nơi như vùng bán đảo Cà Mau dân cư thưa thớt; tỉ lệ dân thành thị rất thấp, quá trình đô thị hoá diễn ra chậm.

* Đặc điểm xã hội:

+ Đồng bằng sông Cửu Long là địa bàn cư trú của nhiều dân tộc; có những nét văn hóa đặc sắc như văn hoá sông nước, lễ hội truyền thống, đờn ca tài tử,...

+ Đời sống của dân cư trong vùng ngày càng được nâng lên (tỉ lệ lao động đã qua đào tạo; tỉ lệ dân số biết chữ, thu nhập bình quân, tuổi thọ).

***2.4. Nội dung 4: Tìm hiểu sự phát triển và phân bố một số ngành kinh tế.***

Trước khi tổ chức cho HS tìm hiểu một số ngành kinh tế thế mạnh, GV khái quát về thực trạng phát triển kinh tế của vùng: quy mô, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế,... sau đó dẫn dắt tìm hiểu một số ngành kinh tế thế mạnh.

*2.4.1. Nông nghiệp và thuỷ sản.*

1. *Mục tiêu.*

Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành nông nghiệp và thủy sản.

1. *Tổ chức thực hiện.*

\* Nông nghiệp.

* Bước 1: GV diễn giảng và đặt câu hỏi: *Tại sao Đồng bằng sông Cửu Long là vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm của cả nước?* Gợi ý HS dựa vào kiến thức đã học ở mục điều kiện tự nhiên để trả lời.

Sau đó GV yêu cầu HS dựa vào hình 20.2 và thông tin mục a, hãy trình bày sự phát triển và phân bố nông nghiệp ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

* Bước 2: HS suy nghĩ trả lời câu hỏi.
* Bước 3: HS báo cáo kết quả.
* Bước 4: GV chuẩn hoá kiến thức.
* Trồng trọt:

+ Đồng bằng sông Cửu Long là vùng sản xuất lúa lớn nhất cả nước, chiếm trên 50% diện tích và sản lượng cả nước. Năng suất và sản lượng lúa tăng nhanh, nhiều giống lúa chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu được đưa vào gieo trồng. Lúa được trồng ở nhiều nơi như An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp,....

+ Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trồng cây ăn quả lớn nhất cả nước, được trồng nhiều ở Tiền Giang, Hậu Giang, Vĩnh Long,... Nhiều cây ăn quả được sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, có chỉ dẫn địa lí. Cây dừa có diện tích lớn nhất cả nước.

* Chăn nuôi: gia cầm phát triển mạnh, nhất là vịt (do có đồng ruộng, lúa gạo nhiều, thuận lợi cho việc nuôi, chăn thả vịt,...).

\* Thuỷ sản

* Bước 1: GV đặt câu hỏi: *Tại sao thuỷ sản là thế mạnh hàng đâu ở Đồng bằng sông Cửu Long?* Gợi ý HS dựa vào kiến thức về điều kiện tự nhiên để trả lời. Sau đó GV yêu cầu HS dựa vào hình 20.2 và thông tin mục a, hãy trình bày sự phát triển và phân bố thuỷ sản ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

+ GV gợi ý HS dựa vào thông tin trong SGK, HS cho biết sản lượng thuỷ sản ở Đồng bằng sông Cửu Long (chiếm trên % tổng sản lượng cả nước).

+ Dựa vào bảng số liệu, HS nêu sự phát triển ngành thuỷ sản ở Đồng bằng sông Cửu Long, so sánh sự khác nhau về sản lượng khai thác và nuôi trồng.

+ Dựa vào hình 20.2, HS sẽ biết được những tỉnh phát triển mạnh về nuôi trồng và đánh bắt thuỷ sản.

* Bước 2: Các nhóm trao đổi, thực hiện nhiệm vụ.
* Bước 3: Đại diện các nhóm báo cáo kết quả.
* Bước 4: GV đánh giá và chuẩn hoá kiến thức.
* Thuỷ sản là thế mạnh hàng đầu của vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Sản lượng thuỷ sản của vùng tăng liên tục, chiếm trên 55% tổng sản lượng thuỷ sản của cả nước.
* Sản lượng thuỷ sản nuôi trồng lớn hơn và tăng nhanh hơn sản lượng thuỷ sản khai thác.
* Việc khai thác và nuôi trồng thuỷ sản ở Đồng bằng sông Cửu Long được đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại.
* Kiên Giang, Cà Mau, Đồng Tháp, An Giang, Bến Tre,... là những địa phương có sản lượng thuỷ sản lớn nhất cả nước.

*2.4.2. Công nghiệp.*

1. *Mục tiêu.*

Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp.

1. *Tổ chức thực hiện.*
* Bước 1: GV khái quát tình hình phát triển công nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long và nêu một số ngành thế mạnh, sau đó yêu cầu HS dựa vào hình 20.2 và thông tin mục b, hãy:

*+ Trình bày sự phát triển và phân bố một số ngành công nghiệp thế mạnh (sản xuất, chế biến thực phẩm; sản xuất điện) ở Đồng bằng sông Cửu Long.*

*+ Xác định vị trí một số nhà máy điện trên bản đồ.*

* Bước 2: Các cặp trao đổi, thực hiện nhiệm vụ.
* Bước 3: Đại diện một số cặp báo cáo kết quả. HS cần giải thích được tại sao những ngành đó lại là ngành thế mạnh, ý nghĩa của việc phát triển những ngành đó.
* Bước 4: GV đánh giá và chuẩn hoá kiến thức.
* Công nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long trong những năm qua có tốc độ tăng trưởng khá cao. Vùng có khá nhiều ngành công nghiệp, trong đó công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm; công nghiệp sản xuất điện là những ngành có thế mạnh.
* Công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm là ngành quan trọng ở Đồng bằng sông Cửu Long; phân bố rộng khắp vùng; các sản phẩm chủ yếu của ngành là gạo xay xát, thuỷ sản ướp đông, rau quả đóng hộp, thức ăn chăn nuôi,...; một số mặt hàng xuất khẩu quan trọng, mang lại giá trị kinh tế cao như gạo, thuỷ sản,...
* Công nghiệp sản xuất điện: Sản lượng điện của vùng tăng nhanh do nhiều nhà máy điện được xây dựng để đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt. Trong vùng có một số nhà máy nhiệt điện, nhà máy điện gió, điện mặt trời. Việc đầu tư phát triển điện gió, điện mặt trời góp phần bảo vệ tài nguyên, môi trường và giảm nhẹ biến đổi khí hậu.

*2.4.3. Dịch vụ.*

1. *Mục tiêu.*

Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ.

1. *Tổ chức thực hiện.*
* Bước 1: GV yêu cầu HS dựa vào hình 20.2 và thông tin mục c, hãy trình bày sự phát triển và phân bố một số hoạt động dịch vụ thế mạnh (thương mại, tài chính ngân hàng, giao thông vận tải đường thuỷ, du lịch) ở Đồng bằng sông Cửu Long.
* Bước 2: Các nhóm trao đổi, thực hiện nhiệm vụ.
* Bước 3: Đại diện cáo nhóm báo cáo kết quả.
* Bước 4: GV chuẩn hoá kiến thức: GV có thể sử dụng sơ đồ tư duy để chuẩn hoá lại kiến thức về sự phát triển và phân bố một số ngành dịch vụ ở Đồng bằng sông Cửu Long. Nhấn mạnh một số hoạt động dịch vụ tiêu biểu như xuất khẩu nông sản và thuỷ sản; phát triển mạnh giao thông vận tải cả đường thuỷ và đường bộ; du lịch sông nước, miệt vườn, biển đảo.
* Thương mại:

+ Hoạt động nội thương phát triển đa dạng, chợ nổi trên sông đã trở thành nét văn hoá đặc trưng của vùng; trung tâm thương mại, siêu thị có ở nhiều nơi.

+ Hoạt động ngoại thương được đẩy mạnh, các mặt hàng xuất khẩu chủ lực, đứng đầu cả nước là gạo, thuỷ sản ướp đông và rau quả.

* Tài chính ngân hàng phát triển rộng rãi. Cần Thơ là trung tâm tài chính ngân hàng lớn nhất vùng.
* Giao thông vận tải đường thuỷ phát triển rộng khắp, một số tuyến đường bộ cao tốc đang được đầu tư xây dựng; các cảng hàng không, cảng biển, cảng sông cũng được nâng cấp,...
* Dịch vụ logistics được chú trọng phát triển, hỗ trợ hiệu quả hoạt động giao thông vận tải, thương mại, nhất là xuất khẩu nông sản và thuỷ sản,... Cần Thơ là trung tâm logistics của vùng.
* Du lịch là ngành kinh tế có thế mạnh của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, nhất là các loại hình du lịch sông nước, miệt vườn, biển đảo. Phú Quốc và Cần Thơ là hai trung tâm du lịch của vùng có sức thu hút khách du lịch trong và ngoài nước.

***2.5. Nội dung 5: Tìm hiểu Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long.***

*a) Mục tiêu.*

Trình bày được về Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

*b) Tổ chức thực hiện.*

* Bước 1: GV yêu cầu HS dựa vào thông tin mục 5, hãy trình bày khái quát về Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long. GV gợi ý HS tập trung vào một số nội dung sau:

+ Tên các tỉnh, thành phố thuộc Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

+ Các thế mạnh nổi trội.

+ Thực trạng.

+ Định hướng phát triển.

* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.
* Bước 3: GV gọi một vài HS báo cáo kết quả.
* Bước 4: GV chuẩn hoá kiến thức.
* Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long bao gồm: Cần Thơ, Kiên Giang, An Giang và Cà Mau.
* Các thế mạnh nổi trội: sản xuất lương thực, thực phẩm; sản xuất điện; phát triển du lịch; giao thông đường biển, đường sông,...
* Thực trạng: đóng góp khoảng 4% GDP cả nước; là trung tâm lớn về sản xuất lúa gạo, nuôi trồng, đánh bắt và chế biến thuỷ sản, có đóng góp quan trọng vào xuất khẩu nông sản và thuỷ sản cả nước,...
* Định hướng phát triển: tập trung vào tam giác Cần Thơ - An Giang - Kiên Giang, trong đó thành phố Cần Thơ là cực tăng trưởng; xây dựng vùng trở thành trung tâm dịch vụ, du lịch, logistics, công nghiệp phục vụ nông nghiệp,...

3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập.

1. *Mục tiêu.*

Củng cố một số kiến thức, kĩ năng đã học về vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

1. *Tổ chức thực hiện.*
* Bước 1: GV yêu cầu HS làm bài tập như trong SGK.
* Bước 2: HS làm bài tập.
* Bước 3: HS báo cáo.
* Bước 4: GV chuẩn hoá kiến thức.

+ Tỉ lệ diện tích và sản lượng lúa của vùng Đồng bằng sông Cửu Long so với cả nước năm 2010 và năm 2021 (đơn vị: %)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chỉ số** | **Năm 2010** | **Năm 2021** |
| **Cả nước** | **Đồng bằng sông Cửu Long** | **Cả nước** | **Đồng bằng sông Cửu Long** |
| Diện tích | 100,0 | 52,4 | 100,0 | 53,8 |
| Sản lượng | 100,0 | 53,8 | 100,0 | 55,5 |

+ Nhận xét: Diện tích và sản lượng lúa của Đồng bằng sông Cửu Long chiếm trên 50% so với cả nước. Tỉ lệ diện tích và sản lượng lúa của vùng có xu hướng tăng.

4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng.

1. *Mục tiêu.*

Vận dụng kiến thức đã học về vùng Đồng bằng sông Cửu Long để tìm hiểu một số biện pháp khắc phục những hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.

1. *Tổ chức thực hiện.*
* Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS.
* Bước 2: HS tự tìm hiểu ở nhà, trao đổi với GV nếu cần.
* Bước 3: HS nộp bài trên nhóm lớp.
* Bước 4: GV nhận xét, đánh giá.

IV. CÂU HỎI ÔN TẬP, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MỞ RỘNG.

**Câu 1. Đồng bằng sông Cửu Long tiếp giáp với**

 A. Tây Nguyên và Lào. B. Đông Nam Bộ và Cam-pu-chia.

 C. biển và Nam Trung Bộ. D. Tây Nguyên và Nam Trung Bộ.

**Câu 2. Ba loại đất chủ yếu ở Đồng bằng sông Cửu Long bao gồm:**

 A. đất badan, đất lầy thụt, đất xám phù sa cổ.

 B. đất cát pha, đất mùn thô, đất nâu đỏ.

 C. đất phù sa sông, đất phèn, đất mặn.

 D. đất cồn cát đỏ, đất đen trên đá vôi, đất thung lũng.

**Câu 3. Đất phù sa sông ở Đồng bằng sông Cửu Long phân bố chủ yếu ở**

 A. Đồng Tháp Mười. B. vùng trũng bán đảo Cà Mau.

 C. Tứ Giác Long Xuyên. D. dọc sông Tiền và sông Hậu.

**Câu 4. Sông ngòi ở Đồng bằng sông Cửu Long có đặc điểm nào sau đây?**

 A. Ngắn và dốc. B. Mạng lưới dày đặc.

 C. Nhiều thác ghềnh. D. Dạng hình vòng cung.

**Câu 5. Những hạn chế về tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long không bao gồm:**

 A. nhiều đất nhiễm phèn và nhiễm mặn.

 B. mùa khô kéo dài, xâm nhập mặn.

 C. gió tây khô nóng, rét đậm rét hại.

 D. lũ lụt, sạt lở bờ sông, bờ biển.

**Câu 6. Dân cư Đồng bằng sông Cửu Long có đặc điểm nào sau đây?**

 A. Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên cao.

 B. Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên thấp.

 C. Mật độ dân số đông nhất cả nước.

 D. Dân số ở thành thị nhiều hơn nông thôn.

**Câu 7. Một trong những ngành công nghiệp thế mạnh nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là**

 A. khai thác và chế biến dầu khí.

 B. sản xuất, chế biến thực phẩm.

 C. sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính.

 D. dệt và sản xuất trang phục.

\*\*\*